

Số: 59/2014/TT-BCA-A81

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2014

THÔNG TƯ

**Quy định danh mục bí mật nhà nước độ Mật
của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội**

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 28/12/2000;

Căn cứ Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28/3/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 21/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi Điều 3 Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an quy định Danh mục bí mật nhà nước độ Mật của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 1. Danh mục bí mật nhà nước độ Mật của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội gồm những tin trong phạm vi sau:

1. Kế hoạch, nội dung đàm phán với các nước, các tổ chức quốc tế về các lĩnh vực hợp tác lao động và chuyên gia, trẻ em, chưa công bố; tình hình phức tạp về lao động Việt Nam ở nước ngoài có liên quan đến đối ngoại chưa công bố.
2. Các nội dung hợp tác với nước ngoài có liên quan đến lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội chưa công bố hoặc không công bố (trừ các tin, tài liệu đã quy định thuộc độ Tối mật).
3. Báo cáo về lao động là công dân nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam chưa công bố.
4. Báo cáo tình hình kết quả công tác định kỳ, báo cáo chuyên đề của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội chưa công bố.
5. Chỉ tiêu kế hoạch, ngân sách đầu tư trong ngành Lao động - Thương binh và Xã hội chưa công bố.
6. Các đề án cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công chưa công bố.

7. Số liệu khảo sát, điều tra về lao động, việc làm và tiền lương chưa công bố.

8. Số liệu về đình công xảy ra hàng năm chưa công bố.

9. Tài liệu về cơ sở dữ liệu quốc gia về thị trường lao động chưa công bố.

10. Tin, tài liệu, kết quả khảo sát, điều tra, đánh giá về thực trạng thực hiện quyền trẻ em và các giải pháp đặc biệt bảo vệ, chăm sóc trẻ em chưa công bố.

11. Tài liệu, dự án do nước ngoài, tổ chức quốc tế tài trợ chưa công bố.

12. Tin, tài liệu, kết quả khảo sát, điều tra, đánh giá về thực trạng tệ nạn xã hội, các biện pháp đặc biệt giải quyết tệ nạn xã hội chưa công bố.

13. Tin, tài liệu, kết quả khảo sát, điều tra, đánh giá về thực trạng bình đẳng giới, các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới chưa công bố.

14. Số liệu tuyệt đối về cơ cấu, tỷ lệ giới tính chưa công bố.

15. Hồ sơ, tài liệu đang thanh tra, kết quả thanh tra, kết quả giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo có nội dung liên quan đến các vấn đề thuộc danh mục bí mật nhà nước ngành Lao động - Thương binh và Xã hội chưa công bố; tài liệu về những vấn đề chính trị, nội bộ của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội chưa công bố.

16. Tin, tài liệu, hồ sơ về xử lý cán bộ có liên quan đến công tác bảo vệ chính trị nội bộ của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội; hồ sơ nhân sự cán bộ lãnh đạo từ cấp vụ (tương đương) trở lên; sắp xếp quy hoạch, luân chuyển, đào tạo cán bộ chủ chốt, cán bộ kế cận, cán bộ nguồn của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội chưa công bố.

17. Tài liệu về thiết kế mạng máy tính, cơ sở dữ liệu nội bộ, mật khẩu, quy chế đảm bảo an ninh, an toàn thông tin của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

18. Văn bản có sử dụng tin, tài liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước độ Mật của các cơ quan, tổ chức trong và ngoài ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2014 thay thế Quyết định số 410/2004/QĐ-BCA(A11) ngày 05/5/2004 của Bộ trưởng Bộ Công an.

Các quy định liên quan đến vấn đề trẻ em tại Quyết định số 214/2006/QĐ-BCA(A11) ngày 24/3/2006 của Bộ Công an về danh mục bí



mật nhà nước độ Mật của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em trái với Thông tư này bị bãi bỏ.

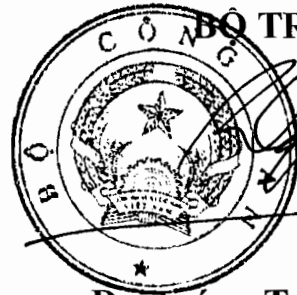
Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Công an có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn việc thi hành Thông tư này.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ và các Phó TTg CP;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Công báo;
- Lưu: VT, A81(A82).



BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Trần Đại Quang